

Bản án số: 1084/2017/DS-ST

Ngày 23/8/2017

Về việc tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tùng

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên, thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514./2012/TLST-.DS ngày 14 tháng 12 năm 2012, về “tranh chấp thừa kế”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1306/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vương Phước T, sinh năm 1960

Địa chỉ: 349/7C đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Viết H, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 79/3/3 đường H, Phường MS, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Bị đơn:* Bà Vương Thị Kim P, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: 349/7C đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Vương Phước Th, chết năm 2014

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Nguyễn Phúc Loan A, sinh năm 1995

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: 378 (lầu 1) đường TP, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.2. Bà Vương Thị Kim L, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: 378 (lầu 1) đường TP, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Kỳ Anh K, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

3.3. Ông Vương Phước H, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ: B16/47 X1 ấp 2B, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.4. Bà Vương Thị Phi Y, sinh năm 1954

Địa chỉ: TK5/29 đường THĐ, phường CK, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Viết H, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: 79/3/3 đường H, Phường MS, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.5. Ông Vương Phước S, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: 194/139 Highett, St. Richmond Vic 3121 – Australia;

3.6. Bà Vương Thị Anh Ng, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: 11622 Stephanie Ln Garden Rove CA 92840 - USA;

3.7. Bà Vương Thị Bạch C, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: 25 Tlinga Ave Georges Hall NSW 2198, Australia;

3.8. Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1963 (vắng mặt)

3.9. Bà Trần Vương Bảo Ng, sinh năm 1994 (vắng mặt)

3.10. Trẻ Trần Vương Bảo Kh, sinh năm 2000 (vắng mặt)

3.11. Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 349/7C đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2012 của ông Vương Phước T và trình bày của ông Trần Viết H đại diện của nguyên đơn trong quá trình hoà giải và tại phiên toà nội dung vụ án như sau:

Nhà đất số 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc quyền sở hữu của ông Vương Văn K, chết ngày 26/8/1998 và bà Hồ Thị N, chết ngày 17/7/2010, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 13362/99 ngày 04/11/1999 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ông Khiêm và bà N có 09 người con chung, gồm:

1. Ông Vương Phước Th, chết ngày 19/8/2014
2. Bà Vương Thị Kim L, sinh năm 1957
3. Ông Vương Phước H, sinh năm 1950
4. Bà Vương Thị Phi Y, sinh năm 1954

5. Ông Vương Phước S, sinh năm 1962
6. Bà Vương Thị Anh Ng, sinh năm 1951
7. Bà Vương Thị Bạch C, sinh năm 1952
8. Ông Vương Phước Th, sinh năm 1960
9. Bà Vương Thị Kim P, sinh năm 1965

Ngoài ra, ông Khiêm bà Nhung không có con riêng, con nuôi nào khác.

Ông Vương Văn K lập di chúc ngày 07/3/1995 có chứng nhận của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận N, có nội dung: Để lại $\frac{1}{2}$ căn nhà thuộc sở hữu của ông K nêu trên làm nơi thờ cúng và giao cho ông T quản lý để thờ cúng, không được bán.

Bà Hồ Thị N có lập di chúc ngày 01/8/2000 tại Văn phòng Công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: $\frac{1}{2}$ căn nhà thuộc sở hữu của bà N nêu trên và phần bà N được thừa kế của ông Vương Văn K (chồng bà N) trong căn nhà sẽ chia đều cho 09 (chín) người con chung nêu trên.

Ông Vương Phước T yêu cầu chia thừa kế nhà đất số 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Theo di chúc ngày 07/3/1995 của ông Vương Văn K, cụ thể: Để lại $\frac{1}{2}$ căn nhà thuộc sở hữu của ông K nêu trên làm nơi thờ cúng và giao cho ông T quản lý để thờ cúng không được bán.

- Theo di chúc ngày 01/8/2000 của bà Hồ Thị N. Giao cho ông T được sở hữu $\frac{1}{2}$ căn nhà thuộc sở hữu của bà Hồ Thị N, ông T sẽ thanh toán giá trị bằng tiền cho các thừa kế còn lại theo giá theo biên bản định giá ngày 14/01/ 2015, trong thời hạn 06 tháng.

Cụ thể giá trị nhà đất: 2.803.972.185đ (Hai tỷ, tám trăm lẻ ba triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng), trong đó:

- $\frac{1}{2}$ nhà đất thuộc sở hữu của ông K làm nơi thờ cúng và giao cho ông T quản lý để thờ cúng theo di chúc của ông K.

- $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tương ứng 1.401.986.000đ (một tỷ, bốn trăm lẻ một triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) thuộc sở hữu của bà N chia đều cho 09 (chín) thừa kế, mỗi thừa kế được hưởng 155.776.232đ (một trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng). Giao cho ông T được sở hữu $\frac{1}{2}$ căn nhà thuộc sở hữu của bà Hồ Thị N. Ông T sẽ thanh toán tiền cho các thừa kế còn lại, mỗi thừa kế là 155.776.232đ (một trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng), tương ứng $\frac{1}{18}$ giá trị nhà đất nêu trên.

Yêu cầu bà Vương Thị Kim P, ông Trần Văn Ch và những người cư trú trong căn nhà phải giao nhà cho ông T sau khi ông Thiện thanh toán đủ tiền cho các thừa kế.

Bà Vương Thị Kim P, ông Vương Phước H, ông Nguyễn Văn P đều đồng ý các nội dung về nguồn gốc nhà đất, những người thừa kế và các bản di chúc do cha mẹ để lại, đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn P đại diện của bà Nguyễn Phúc Loan A cho rằng: Ông Vương Phước Th là con của ông Vương Văn K và bà Hồ Thị N, quá trình tham gia tố tụng ông Th chết ngày 19/8/2014. Ông Th có lập di chúc ngày 14/7/2014 cho cháu Nguyễn Phúc Loan A được hưởng suất thừa kế do ông Th được hưởng của cha mẹ trong căn nhà nêu trên.

Bà Vương Thị Kim L cho rằng nếu chia thừa kế toàn bộ nhà đất nêu trên thì bà L đồng ý nhận thừa kế theo giá trị tương ứng 1/9 giá trị nhà đất. Nếu chỉ chia thừa kế phần sở hữu của bà N $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất, còn $\frac{1}{2}$ giá trị thuộc sở hữu của ông K không chia để làm nơi thờ cúng thì bà L không nhận thừa kế mà để suất thừa kế của bà L làm thờ cúng.

Các đương sự đều đồng ý giá trị nhà đất theo biên bản định giá ngày 14/01/2015 là 2.803.972.185đ (hai tỷ, tám trăm lẻ ba triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng).

Ông Vương Phước T và bà Vương Thị Kim P có bỏ tiền sửa chữa nhà nhưng không yêu cầu giải quyết.

Các ông Vương Phước S, bà Vương Thị Anh Ng, bà Vương Thị Bạch C hiện đang cư trú tại nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ủy thác tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian hoà giải và mở phiên toà xét xử vụ án cho các đương sự biết, các đương sự đã có văn bản trả lời các nội dung liên quan đến việc chia thừa kế nhà đất số 349/7C đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán chủ tọa phiên tòa tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Vương Phước T yêu cầu chia thừa kế nhà đất số 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, theo di chúc ngày 07/3/1995 của ông Vương Văn K và di chúc ngày 01/8/2000 của bà Hồ Thị N, được các thừa kế khác thừa nhận và đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Phước T chia theo di chúc của ngày 07/3/1995 của ông Vương Văn K và di chúc ngày 01/8/2000 của bà Hồ Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền:

[1] Ông Vương Phước T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà đất số 349/7C đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, việc giải quyết vụ án có liên quan đến các ông Vương Phước S, bà Vương Thị Anh Ng, bà Vương Thị Bạch C hiện đang cư trú tại nước ngoài. Căn cứ Khoản 1 Điều 37; Điểm a, Khoản 1 Điều 39, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Các ông Vương Phước S, bà Vương Thị Anh Ng, bà Vương Thị Bạch C hiện đang cư trú tại nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã uỷ thác tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian hoà giải và mở phiên toà xét xử vụ án cho các đương sự biết, các đương sự đã có văn bản trả lời các nội dung liên quan đến yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Ông Vương Phước T yêu cầu chia thừa kế theo di chúc ngày 07/3/1995 của ông Vương Văn K và di chúc ngày 01/8/2000 của bà Hồ Thị N đối với nhà đất số: 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc quyền sở hữu của ông Vương Văn K (chết ngày 26/8/1998) và bà Hồ Thị N (chết ngày 17/7/2010) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 13362/99 ngày 04/11/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đương sự đều xác nhận:

- Ông Vương Văn K lập di chúc ngày 07/3/1995 có chứng nhận của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận N5, Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: “Để lại $\frac{1}{2}$ nhà đất thuộc sở hữu của ông K làm nơi thờ cúng và giao cho ông T quản lý để thờ cúng, không được bán.”

- Bà Hồ Thị N lập di chúc ngày 01/8/2000 tại Văn phòng công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung: “Để lại $\frac{1}{2}$ căn nhà thuộc sở hữu của bà N nêu trên và phần bà N được thừa kế của ông Vương Văn K trong căn sẽ chia đều cho 09 (chín) người con chung.

- Đồng ý chia thừa kế nhà đất số: 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, theo di chúc của ông Vương Văn K và bà Hồ Thị N nêu trên, theo giá trị theo biên bản định giá ngày 14/01/2015 là 2.803.972.185đ (Hai tỷ, tám trăm lẻ ba triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng) cho những người thừa kế của ông Vương Văn K và bà Hồ Thị N, gồm có 09 (chín) người con chung:

1. Bà Vương Thị Kim L,
2. Ông Vương Phước H,
3. Bà Vương Thị Phi Y,
4. Ông Vương Phước S,
5. Bà Vương Thị Anh Ng,

6. Bà Vương Thị Bạch C,

7. Ông Vương Phước T,

8. Bà Vương Thị Kim P,

9. Ông Vương Phước Th, chết ngày 19/8/2014. Ông Th lập di chúc ngày 14/7/2014 cho cháu Nguyễn Phúc Loan A được hưởng suất thừa kế do ông Th được hưởng của cha mẹ trong căn nhà nêu trên.

[5] Căn cứ các Điều 670, 684 Bộ luật Dân sự năm 2005, chia thừa kế nhà đất số: 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, theo di chúc của ông Vương Văn K và bà Hồ Thị N cho những người thừa kế như sau:

Giá trị nhà đất: 2.803.972.185đ (Hai tỷ, tám trăm lẻ ba triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng), trong đó:

- $\frac{1}{2}$ nhà đất thuộc sở hữu của ông K làm nơi thờ cúng và giao cho ông T quản lý để thờ cúng theo di chúc của ông K.

- $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tương ứng 1.401.986.000đ (một tỷ, bốn trăm lẻ một triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) thuộc sở hữu của bà N được chia đều cho 09 thừa kế nêu trên. Mỗi thừa kế được hưởng 155.776.232đ (một trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng).

Giao cho ông T được sở hữu $\frac{1}{2}$ nhà đất (phần của bà N). Ông T phải thanh toán giá trị cho các thừa kế còn lại mỗi thừa kế 155.776.232đ (một trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng), tương ứng $\frac{1}{18}$ giá trị nhà đất nêu trên, trong thời hạn 06 (sáu) tháng.

Bà Nguyễn Phúc Loan A được hưởng suất thừa kế của ông Vương Phước Th theo di chúc ngày 14/7/2014 là 155.776.232đ (một trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng), tương ứng $\frac{1}{18}$ giá trị nhà đất nêu trên.

[6] Bà Vương Thị Kim P, ông Trần Văn Ch và những người cư trú trong căn nhà số: 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, phải giao nhà cho ông T sau khi ông T thanh toán đủ tiền cho các thừa kế.

[7] Các thừa kế phải chịu án phí sơ thẩm trên giá trị được phân chia là 155.776.232đ (một trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng); Án phí là 6.237.049đ (sáu triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng).

Chi phí tố tụng:

- Chi phí ủy thác tư pháp: 12.000.000 đồng;

- Chi phí đo đạc lập bản vẽ: 6.364.000 đồng;

- Chi phí định giá: 2.000.000 đồng;

Tổng cộng: 20.364.000đ (hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), do ông T đã tạm nộp.

Mỗi thừa kế phải thanh toán cho ông T 2.262.000đ (hai triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 647, 648, 652, 656, 657, 670 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ các Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12 ngày 27/02/2009 quy định về Án phí, lệ phí Tòa;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông ông Vương Phước T.

2. Chia thừa kế theo di chúc đối với nhà đất số: 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Vương Văn K và bà Hồ Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 13362/99 ngày 04/11/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Xác định $\frac{1}{2}$ nhà đất số: 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Vương Văn K làm nơi thờ cúng và giao cho ông Vương Phước T quản lý để làm nơi thờ cúng theo di chúc của ông K.

4. Chia thừa kế $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất số: 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bà Hồ Thị N tương ứng 1.401.986.000 đồng cho 09 (chín) người thừa kế của bà Hồ Thị N theo giá trị như sau:

- Giao cho ông Vương Phước T được sở hữu $\frac{1}{2}$ nhà đất số: 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (phần thuộc sở hữu của bà N).

- Ông Vương Phước T phải thanh toán cho các thừa kế còn lại, gồm:

1. Bà Vương Thị Kim L,
2. Ông Vương Phước H,
3. Bà Vương Thị Phi Y,
4. Ông Vương Phước S,
5. Bà Vương Thị Anh Ng,
6. Bà Vương Thị Bạch C,
7. Bà Vương Thị Kim P,

8. Bà Nguyễn Phúc Loan A (thừa kế của ông Vương Phước Th), mỗi thừa kế 155.776.232đ (một trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng), tương ứng 1/18 giá trị nhà đất nêu trên, trong thời hạn 06 (sáu) tháng.

5. Bà Vương Thị Kim P, ông Trần Văn Ch và những người cư trú trong căn nhà số: 349/7C (số cũ 351/87C) đường NT, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, phải giao nhà đất nêu trên cho ông Vương Phước T sau khi ông T thanh toán đủ tiền cho các thừa kế nêu trên.

Thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự.

Kể từ ngày những người được thi hành án gửi đơn yêu cầu thi hành án trả tiền nếu ông T chưa thi hành án trả tiền thì hàng tháng ông T phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

6. Án phí:

- Ông Vương Phước T, bà Vương Thị Kim L, ông Vương Phước H, bà Vương Thị Phi Y, ông Vương Phước S, bà Vương Thị Anh Ng, bà Vương Thị Bạch C, bà Vương Thị Kim P, bà Nguyễn Phúc Loan A, mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là 6.237.049đ (sáu triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng).

- Hoàn trả cho ông Vương Phước T tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 2.777.778đ (hai triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 04562 ngày 11/12/2012 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Chi phí tố tụng:

- Tổng cộng: 20.364.000đ (hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), do ông Thiện đã tạm nộp.

- Bà Vương Thị Kim L, ông Vương Phước H, bà Vương Thị Phi Y, ông Vương Phước S, bà Vương Thị Anh Ng, bà Vương Thị Bạch C, bà Vương Thị Kim P, bà Nguyễn Phúc Loan A, mỗi người phải thanh toán cho ông Vương Phước Thiện 2.262.000đ (hai triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) chi phí tố tụng.

- Ông Vương Phước T, bà Vương Thị Kim L, ông Vương Phước H, bà Vương Thị Phi Y, bà Vương Thị Kim P, bà Nguyễn Phúc Loan A, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Vương Phước S, bà Vương Thị Anh Ng, bà Vương Thị Bạch C có quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

- Ông Trần Văn Ch, bà Trần Vương Bảo Ng, Trần Vương Bảo Kh, bà Nguyễn Thị Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Trí